

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 - 5 - 2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Văn Sĩ.
2. Ông Nguyễn Hoa Vinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường N, thành phố B, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số I, L, A, C, E, Korea (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh L kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc, đã thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang vào ngày 26 tháng 11 năm 2008. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống tại Hàn Quốc khoảng 06 tháng. Trong thời gian chung sống chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, quan

điểm và tính tình không phù hợp. Do đó, chị trở về Việt Nam từ đầu năm 2009 và hai người ly thân đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

Đối với bị đơn là anh L, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Tòa án Tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho anh L nhưng kết quả ủy thác tư pháp không được do không có người nhận. Chị T không thể cung cấp đúng địa chỉ anh L cho Tòa án và có yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết thông báo nội dung khởi kiện tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và đăng tin trên kênh VOV5 Ban đối ngoại của Đài tiếng nói Việt Nam nhưng anh L vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh L. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị T, địa chỉ thường trú tại Khu vực 1, phường N, thành phố B, tỉnh Hậu Giang có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L là người có quốc tịch Hàn Quốc và cư trú tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn anh L đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho Tòa án Tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng kết quả ủy thác tư pháp không được do không có người nhận. Chị T không thể cung cấp đúng địa chỉ anh L cho Tòa án và có yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết thông báo nội dung khởi kiện tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và đăng tin trên kênh VOV5 Ban đối ngoại của Đài tiếng nói Việt Nam nhưng anh L vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T đến Tòa án. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử vắng mặt anh L. Đối với chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ

vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc, đã thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang vào ngày 26 tháng 11 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Xét thấy, sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống tại Hàn Quốc và hai người ly thân từ đầu năm 2009 đến nay. Ngoài ra, trong thời gian chung sống, chị T và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm và tính tình không phù hợp. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; lệ phí ủy thác tư pháp; chi phí dịch thuật văn bản tố tụng, niêm yết và đăng tin ngày mở phiên tòa: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh L.
2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai

thu tiền số 0006527 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009678 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

4. Chi phí tố tụng (dịch thuật văn bản tố tụng, niêm yết và đăng tin ngày mở phiên tòa): Chị T phải phải chịu là 4.245.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Chuyển 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chị T đã nộp theo Phiếu thu tạm ứng ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thành chi phí tố tụng. Chị T còn phải nộp thêm 245.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Nghệ